

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN NẬM PÔ
TRƯỜNG PTDTBT THCS NẬM CHUA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
A	Lớp 6 thực hiện Chương trình GDPT 2018 (267 HS):	262	63	73	60	66
I	Kết quả học tập	262	63	73	60	66
1	Loại Tốt:	9	1	2	3	3
	(tỷ lệ so với tổng số)	3.4%	1.6%	2.7%	5.0%	4.5%
2	Loại Khá:	49	12	16	12	9
	(tỷ lệ so với tổng số)	18.7%	19.0%	21.9%	20.0%	13.6%
3	Loại Đạt:	192	47	49	42	54
	(tỷ lệ so với tổng số)	73.3%	74.6%	67.1%	70.0%	81.8%
4	Loại chưa đạt:	6	3	1	2	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	2.3%	4.8%	1.4%	3.3%	0.0%
5	Loại chưa đánh giá:	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
II	Kết quả rèn luyện	262	63	73	60	66
1	Loại Tốt:	200	55	59	49	37
	(tỷ lệ so với tổng số)	76.3%	87.3%	80.8%	81.7%	56.1%
2	Loại Khá:	46	5	12	9	20
	(tỷ lệ so với tổng số)	17.6%	7.9%	16.4%	15.0%	30.3%
3	Loại đạt:	16	3	2	2	9
	(tỷ lệ so với tổng số)	6.1%	4.8%	2.7%	3.3%	13.6%
4	Loại chưa đạt:	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
5	Loại chưa đánh giá:	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp	259	60	73	60	66
	(tỷ lệ so với tổng số)	98.9%	95.2%	100.0%	100.0%	100.0%
a	Học sinh giỏi	9	1	2	3	3
	(tỷ lệ so với tổng số)	3.4%	1.7%	2.7%	5.0%	4.5%
b	Học sinh tiên tiến	49	12	16	12	9
	(tỷ lệ so với tổng số)	18.7%	19.0%	21.9%	20.0%	13.6%
2	Thì lại	8	3	2	3	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	3.1%	4.8%	2.7%	5.0%	0.0%
3	Lưu ban	2	2	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.8%	3.2%	0.0%	0.0%	0.0%
4	Chuyển trường đến/đi	0/3	0/0	0/2	0/0	0/1

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	(tỷ lệ so với tổng số)	0%/2,9%	0%/0%	0%/2,7%	0%/0%	0%/1,5%
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	1	1	0	0	0
6	(tỷ lệ so với tổng số)	0.4%	1.6%	0.0%	0.0%	0.0%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	1	0	0	0	1
1	Cấp huyện	1	0	0	0	1
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	66	0	0	0	66
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	66				66
1	Giỏi	3				3
	(tỷ lệ so với tổng số)	4.5%				4.5%
2	Khá	9				9
	(tỷ lệ so với tổng số)	13.6%				13.6%
3	Trung bình	54				54
	(Tỷ lệ so với tổng số)	81.8%				81.8%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	129/130	27/33	38/35	27/33	37/29

Nà Hỳ, ngày 15 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Chu Văn Quảng